ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ TÂN THÀNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 4069 /QĐ-UBND	*Tân Thành, ngày 15 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự án: Đường SDA.M4

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 06 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về việc quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định 193/2026/NĐ-CP ngày 01/06/2026 của Chính phủ quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án;

Căn cứ Nghị định 206/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định 207/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/06/2026 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 32/2026/TT-BXD ngày 22/06/2026 của Bộ Xây dựng, về việc quy định chi tiết một số điều của Nghị định 207/2026/NĐ-CP về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/06/2026 của Bộ Xây dựng, về việc hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/06/2026 của Bộ Xây dựng, về việc hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/06/2026 của Bộ Xây dựng, về việc ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 41/2026/TT-BXD ngày 26/06/2026 của Bộ Xây dựng, về việc Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 43/2026/QĐ-UBND ngày 24/03/2026 của UBND tỉnh Tây Ninh Ban hành quy định về phân cấp, phân công trách nhiệm quản lý

và thực hiện dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Công văn số 8330/SXD-QLHĐXD ngày 09/07/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh về việc hướng dẫn một số nội dung có liên quan đến lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo Nghị định 206/2026/NĐ-CP của Chính phủ và các thông tư hướng dẫn của Bộ xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 29/06/2026 của Hội đồng nhân dân xã Tân Thành về danh mục đầu tư công năm 2026 vốn tỉnh bổ sung có mục tiêu năm 2026 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2613/QĐ-UBND ngày 24/06/2026 của UBND xã Tân Thành về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Đường SDA.M4;

Căn cứ Quyết định số 2961/QĐ-UBND ngày 14/07/2026 của UBND xã Tân Thành về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Đường SDA.M4.

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế xã tại tờ trình số868 /TTr-PKT ngày 28/ 08/2026 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án: Đường SDA.M4,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Đường SDA.M4 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Đường SDA.M4.

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án:

- Loại công trình: Công trình giao thông.

- Nhóm dự án: Nhóm C.

- Cấp công trình: cấp IV (cấp quản lý).

3. Mã thông định danh: 8211177.

4. Địa điểm xây dựng: ấp Tân Tây, xã Tân Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Điểm đầu giao với đường ĐH.805 và điểm cuối kết thúc tại lý trình Km00+970m.

- Diện tích sử dụng: 4.890m^2

5. Người quyết định đầu tư: UBND xã Tân Thành.

6. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án xã.

Nhà thầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty TNHH và ĐTXD Cường Phát. Mã số danh nghiệp: 3900582412.

8. Mục tiêu dự án: Phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa, góp phần đảm bảo an toàn giao thông, an ninh trật tự.

9. Đường sỏi đỏ dài 970 m (vuốt giao lộ đầu phương án giao với đường ĐH.805 với kết cấu láng nhựa)

- Cao độ thiết kế trắc ngang là cao độ tim đường hoàn thiện.

- Các yếu tố kỹ thuật của trắc ngang đường sỏi như sau:

+ Chiều rộng nền đường 5,0 m.

+ Chiều rộng mặt đường 3,5 m.

+ Chiều rộng lề đường: 0,75m x 2 bên.

+ Độ dốc ngang mặt đường 4%. Độ dốc ngang lề đường 4%.

Kết cấu mặt đường sỏi từ dưới lên:

+ Nền đường hiện hữu.

+ Đắp đất cấp II đến cao độ thiết kế, lu lèn đạt độ chặt K ≥ 0,95.

+ Đắp sỏi đỏ dày 20cm, lu lèn đạt độ chặt K ≥ 0,98.

- Các yếu tố kỹ thuật của trắc ngang đoạn vuốt giao lộ đầu phương án giao với đường ĐH.805 với kết cấu láng nhựa như sau:

+ Chiều rộng nền đường 5,5 m.

+ Chiều rộng mặt đường 4,5 m.

+ Chiều rộng lề đường: 0,5m x 2 bên.

+ Độ dốc ngang mặt đường 3%. Độ dốc ngang lề đường 4%.

Kết cấu mặt đường từ dưới lên (đoạn vuốt giao lộ với đường ĐH.805)

+ Nền đường hiện hữu.

+ Đắp đất cấp II đến cao độ thiết kế, lu lèn đạt độ chặt K ≥ 0,95.

+ Đắp sỏi đỏ dày 20cm, lu lèn đạt độ chặt K ≥ 0,98.

+ Lớp đá 4x6 chèn đá dăm dày 20cm.

+ Láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm, tiêu chuẩn 4,5kg/m^2.

* Hệ thống thoát nước

- Thoát nước dọc: Sử dụng hệ thống rãnh biên hai bên tuyến có mái taluy đắp 1:1,5 sâu 0,6m.

- Thoát nước ngang:

+ Sử dụng cống tròn bê tông cốt thép M300, tải trọng H30-XB80, sản xuất tại nhà máy. Bê tông lót móng đá 4x6 M150 dày 10cm. Bê tông móng đá 1x2 M200 dày 15cm.

+ Tường đầu, tường cánh bằng BTXM đá 1x2M200, hố ga bằng BTXM đá 1x2M200, sân cống bằng BTXM đá 1x2M200.

- Bố trí biển báo hiệu đường bộ theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2024/BGTVT.

(Các nội dung khác theo hồ sơ Báo cáo Kinh tế kỹ thuật)

10. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054 – 05 (Tham khảo).

- TCVN 8857: 2011. Lớp kết cấu áo đường ô tô bằng cấp phối thiên nhiên – vật liệu, thi công và nghiệm thu.

- TCVN 9436: 2012. Thi công và nghiệm thu nền đường.

- TCVN 4447: 2012. Công tác đất – thi công và nghiệm thu.

- Công tác trắc địa trong xây dựng công trình – Yêu cầu chung TCVN 9398: 2012.

- Tiêu chuẩn quốc gia: TCVN 10380: 2014. Đường giao thông nông thôn - yêu cầu thiết kế.

- Tiêu chuẩn cơ sở: TCCS 31: 2020/TCĐBVN. Đường ô tô - tiêu chuẩn khảo sát.

- Tiêu chuẩn cơ sở: TCCS 38: 2022/TCĐBVN. Áo đường mềm – các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế.

- QCVN 41:20 24/BGTVT. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

- TCVN 8729: 2012. Đất xây dựng công trình thủy lợi - phương pháp xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường.

11. Tổng mức đầu tư (làm tròn): **1.496.249.000 đồng**

(Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm chín mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi chín nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	1.274.163.797	đồng
- Chi phí QLDA:	27.951.548	đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	129.929.569	đồng
- Chi phí khác:	20.624.335	đồng
- Chi phí dự phòng	43.580.077	đồng

12. Thời gian thực hiện: 2026-2028.

13. Nguồn vốn đầu tư: Vốn TW + Tỉnh HTMT + vốn NS xã.

14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên; phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư: Không.

16. Các nội dung khác: Theo hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đúng với quy định hiện hành của nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã, Trưởng Phòng Kinh tế xã, Trưởng Phòng giao dịch số 10 – KBNN Khu vực XVIII, Giám đốc Ban quản lý dự án xã và các ban ngành có liên quan căn cứ quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- TT Đảng ủy;
- TT HĐND xã;
- CT & các PCT UBND xã;
- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu: VP.HĐND-UBND xã.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Ngọc